

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông, Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông và Công ty TNHH Xây lắp Điện nhẹ Viễn thông.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp
- Ngành nghề kinh doanh** :
 - Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
 - Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
 - Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
 - Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Thẩm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy.
 - Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;
- Tổng số các công ty con** : 02
Các công ty con được hợp nhất là

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị viễn thông.	Phòng 402, tòa nhà 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	55,53%	55,53%
Công ty TNHH Xây lắp Điện nhẹ Viễn thông	Liên kè 14, ô 25 – 26 Khu Đô Thị Mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội	100%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/BTC- TT của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/BTC- TT của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá vốn các công trình xây lắp được ghi nhận tương ứng với doanh thu theo tỷ lệ được quy định trên các hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đội.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 5

6. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 10 năm.

7. **Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

8. **Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. **Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí công trình

Chi phí công trình được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý chi phí thi công các công trình đã phát sinh trong kỳ.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi công trình (hạng mục công trình) đã hoàn thành, có quyết toán A-B hoặc xác nhận khối lượng (không bao gồm vật tư bên A cấp).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Hợp đồng xây dựng

Các hợp đồng xây dựng Công ty thực hiện qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	887.836.267	287.722.202
Tiền gửi ngân hàng	5.515.387.684	3.151.344.075
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>6.403.223.951</u>	<u>3.439.066.277</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn thông và Bưu điện các tỉnh	8.214.960.154	20.984.876.651
Các Công ty, các Ban QLDA	103.065.758.946	126.492.106.857
Các khách hàng khác	1.975.108.506	2.672.480.465
Cộng	<u>113.255.827.606</u>	<u>150.149.463.991</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền thuê đất, bảo vệ trạm BTS	334.331.038	21.492.395
Công ty CP Thành An	134.200.000	-
CTCP Sông Đà Thăng Long	100.931.208	151.931.208
Công ty CP Thành An	134.200.000	-
Công ty TNHH Cúp Vàng		
Anhui Technology Import and Export Co.,Ltd		
Công ty Tin học ViNa	33.891.740	301.655.090
Các đối tượng khác	379.418.472	342.672.665
Cộng	<u>1.116.972.458</u>	<u>817.751.358</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	89.729.351.544	79.051.393.852
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.971.831.006	-
Phải thu khác	20.870.342.546	20.532.200.095
Cộng	<u>112.571.525.096</u>	<u>99.583.593.947</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.528.964.910	3.304.644.558
Công cụ, dụng cụ	12.800.000	12.800.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.643.847.036	26.434.952.381
Thành phẩm	4.879.616.457	5.223.247.201
Hàng hóa	466.143.910	118.121.000
Hàng gửi đi bán	1.212.453.732	2.034.117.027
Cộng	<u>50.743.826.045</u>	<u>37.127.882.167</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước	77.734.458	106.578.830
Chi phí chờ kết chuyển	1.191.781.484	-
Cộng	<u>1.269.515.942</u>	<u>106.578.830</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)		
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Tài sản thiếu chờ xử lý		
Cộng		
(*) Chủ yếu là tạm ứng cho các đội thi công		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.917.537.895	19.830.571.453	4.903.943.622	143.636.363	586.627.855	32.382.317.188
Tăng do mua sắm mới	-	-	-	-	-	-
Giảm do nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.917.537.895	19.830.571.453	4.903.943.622	143.636.363	586.627.855	32.382.317.188
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.053.018.251	8.831.885.320	3.011.707.333	86.691.921	586.627.855	14.569.930.680
Khấu hao trong năm	79.368.820	384.490.479	88.917.709	-	-	552.777.008
Giảm do nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.132.387.071	9.216.375.799	3.100.625.042	86.691.921	586.627.855	15.122.707.688
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4.864.519.644	10.998.686.133	1.892.236.289	56.944.442	-	17.812.386.508
Số cuối kỳ	4.785.150.824	10.614.195.654	1.803.318.580	56.944.442	-	17.259.609.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Toàn bộ bất động sản đầu tư là các trạm BTS cho thuê.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	12.094.473.923	7.961.736.145	4.132.737.778
Tăng do trích khấu hao		302.361.852	
Giảm trong kỳ			(302.361.852)
Số cuối kỳ	<u>12.094.473.923</u>	<u>8.264.097.997</u>	<u>3.830.375.926</u>

11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
CTCP Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ	10.684	1.078.000.000	10.684	1.078.000.000
CTCP Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông	5.970	597.000.000	5.970	597.000.000
		<u>1.675.000.000</u>		<u>1.675.000.000</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
CTCP Xây dựng Công nghệ Toàn Phát	6.898.432.008	6.689.432.008
CTCP Thiết bị Bưu điện – Nhà máy 2	2.277.488.910	-
Công ty TNHH Đại Phúc	1.064.684.164	997.168.167
Công ty TNHH Tập đoàn Minh Phúc	997.168.167	
Công ty TNHH MTV Trung Phong	296.119.126	546.119.126
CTCP Thương mại Xây lắp Thái Bình Dương Việt Nam	807.119.659	807.119.659
CTCP Vật liệu Điện nhẹ và Viễn thông Sam Cường	5.501.698.200	5.751.698.200
Công ty TNHH MTV M3	1.180.895.985	-
Công ty TNHH Cúp Vàng	262.384.904	414.282.304
Công ty Hợp Tiến 62	519.940.523	418.637.178
Các đối tượng khác	1.816.069.738	2.477.318.003
Cộng	<u>21.622.001.384</u>	<u>19.166.458.809</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý giao thông đô thị	313.600.000	313.600.000
Công ty CP Công nghệ và Thương mại Cecom	100.000.000	-
Công ty TNHH Cơ điện Vạn Xuân	429.000.000	-
BQL Dự án Tà Ngạn	238.000.000	238.000.000
TTDV Viễn thông KV III	450.638.552	450.638.552
Tổng cục hậu cần an ninh I	499.894.060	2.789.434.000
Các đối tượng khác	739.020.290	513.649.275
Cộng	<u>2.770.152.902</u>	<u>4.305.321.827</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.389.984.041	2.293.173.989	3.379.169.726	16.303.988.304
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	39.182.308	39.182.308	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.545.991.579	33.698.058	-	7.579.689.637
Thuế thu nhập cá nhân	933.998.947	5.076.277	-	939.075.224
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.437.333.330	-	-	1.437.333.330
Các loại thuế khác	123.535.425	2.000.000	5.000.000	120.535.425
Cộng	<u>27.430.843.322</u>	<u>2.373.130.632</u>	<u>3.423.352.034</u>	<u>26.380.621.920</u>

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	11.987.727	2.610.363.404
Chi phí các công trình xây lắp trích trước	70.933.281.863	62.955.704.507
Trích trước chi phí khác	-	280.819.081
Cộng	<u>70.945.269.590</u>	<u>65.846.886.992</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	746.742.756	1.208.666.001
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	46.035.316	290.533.816
Phải trả các cá nhân về tiền vay không tính lãi	551.253.000	551.253.000
Chi phí các công trình còn phải trả	24.096.762.930	19.881.251.494
Phải trả khác	2.718.149.575	3.684.371.645
Cộng	<u>28.158.943.577</u>	<u>25.616.075.956</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>57.649.879.808</u>	<u>39.649.263.904</u>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thăng Long	36.213.983.090	37.637.128.269
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	21.435.867.000	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông		2.012.105.917
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	29.718	29.718
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác	<u>22.697.781.200</u>	<u>46.726.005.000</u>
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>80.347.661.008</u>	<u>86.375.268.904</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	45.860.000.000	24.077.383.636	-	1.881.171.954	1.232.642.980	3.737.062.037	76.788.260.807
Lợi nhuận trong kỳ						84.495.298	84.495.298
Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn							
Phát hành cổ phiếu mới tăng vốn							
Trích lập các quỹ trong năm							
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại							
Chi quỹ trong năm							
Chia cổ tức năm trước							
Số dư cuối năm	45.860.000.000	24.077.383.636	-	1.881.171.954	1.232.642.980	3.821.557.335	76.872.755.905

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty không trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo này vì đây là Báo cáo của Công ty mẹ. Chỉ tiêu này sẽ được tính toán và trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thuê hoạt động

Hợp đồng thuê văn phòng số 12/HĐTN ngày 03/05/2013, thuê nhà LK 14, Ô 25-26 Khu ĐTM Văn Khê, phường La Khê quận Hà Đông, TP Hà Nội thời hạn thuê 04 năm từ ngày 01/05/2013 đến hết ngày 01/05/2017, kỳ hạn thanh toán 06 tháng/lần.

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2015.

Người lập biểu

Phạm Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Tổng Giám đốc

Lương Quý Thăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21,822,932,893	25,027,747,200	21,822,932,893	25,027,747,200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10		21,822,932,893	25,027,747,200	21,822,932,893	25,027,747,200
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	19,934,790,580	22,349,106,458	19,934,790,580	22,349,106,458
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,888,142,313	2,678,640,742	1,888,142,313	2,678,640,742
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	85,790,026	80,411,735	85,790,026	80,411,735
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	234,370,696	676,785,650	234,370,696	676,785,650
Trong đó: chi phí lãi vay	23		203,088,675	634,065,490	203,088,675	634,065,490
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	112,819,510	31,333,180	112,819,510	31,333,180
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1,455,119,788	1,236,118,775	1,455,119,788	1,236,118,775
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		171,622,345	814,814,872	171,622,345	814,814,872
12. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
13. Chi phí khác	32		15,661,676	-	15,661,676	-
14. Lợi nhuận khác	40		(15,661,676)	-	(15,661,676)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		155,960,669	814,814,872	155,960,669	814,814,872

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		33,698,058	180,385,323	33,698,058	180,385,323
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		122,262,611	634,429,549	122,262,611	634,429,549
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			84,497,209	621,912,294	84,497,209	621,912,294
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		37,765,402	12,517,255	37,765,402	12,517,255
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2015.

Người lập biểu

Phạm Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thường

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN NHE
VIỄN THÔNG
HÀ NỘI

Lương Quý Thăng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		301,773,234,209	298,348,343,894
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6,403,223,951	3,439,066,277
1. Tiền	111		6,403,223,951	3,439,066,277
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16,489,292,908	7,057,054,362
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16,489,292,908	7,057,054,362
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225,662,544,378	249,269,028,514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	113,255,827,606	150,149,463,991
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1,116,972,458	817,751,358
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	112,571,525,096	99,583,593,947
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1,468,172,723)	(1,468,172,723)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		186,391,941	186,391,941
IV. Hàng tồn kho	140		50,743,826,045	37,127,882,167
1. Hàng tồn kho	141	V.6	50,743,826,045	37,127,882,167
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,474,346,927	1,455,312,574
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1,269,515,942	106,578,830
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,204,830,985	1,348,733,744
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.8	-	-

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24,455,660,805	25,396,265,371
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		821,559,367	1,031,059,367
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		621,559,367	621,559,367
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		200,000,000	409,500,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		17,259,609,500	17,812,386,508
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	17,259,609,500	17,812,386,508
<i>Nguyên giá</i>	222		32,382,317,188	32,382,317,188
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15,122,707,688)	(14,569,930,680)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	3,830,375,926	4,132,737,778
<i>Nguyên giá</i>	231		12,094,473,923	12,094,473,923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(8,264,097,997)	(7,961,736,145)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,078,000,000	1,078,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	1,675,000,000	1,675,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	(597,000,000)	(597,000,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,466,116,012 #	1,342,081,718
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,466,116,012	1,342,081,718
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		326,228,895,014	323,744,609,265

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		232,035,409,234	229,673,385,896
I. Nợ ngắn hạn	310		232,035,409,234	229,673,385,896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		21,622,001,384	19,166,458,809
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,770,152,902	4,305,321,827
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	26,380,621,920	27,430,843,322
4. Phải trả người lao động	314	V.19	552,385,194	613,605,083
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	70,945,269,590	65,846,886,992
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1,108,806,988	-
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	28,158,943,577	25,616,075,956
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		80,347,661,008	86,375,268,904
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	149,566,671	318,925,003
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	V.23	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.25	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94,193,485,780	94,071,223,369
I. Vốn chủ sở hữu	410		94,193,485,780 #	94,071,223,369
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	45,860,000,000	45,860,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45,860,000,000	45,860,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	24,077,383,636	24,077,383,636
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	1,881,171,954	1,881,171,954
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp	419	V.29	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1,232,642,980	1,232,642,981
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.30	3,821,557,335	3,737,062,236
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		3,737,062,037	3,737,062,236
-LNST chưa phân phối kỳ này	421b		84,495,298	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17,320,729,875	17,282,962,562
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		326,228,895,014 #	323,744,609,265

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		48.24	48.24
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Phạm Đức Thương

Tổng Giám đốc



Lương Quý Thăng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		155,960,669	814,814,872
2. Điều chỉnh cho các khoản:				-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		855,138,860	843,238,579
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(818,950)	-
- Chi phí lãi vay	06		203,088,675	676,785,650
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,213,369,254	2,334,839,101
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25,144,704,862	(7,137,582,198)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13,615,944,078)	(7,363,021,933)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6,996,953,780	3,405,061,348
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,152,189,922)	(1,182,042,051)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(851,324,739)	(1,285,332,650)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		570,763,970	897,349,459
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(236,688,380)	243,220,755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18,069,644,747	(10,087,508,169)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(232,430,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,727,272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9,432,238,546)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	351,632,097	79,179,682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9,077,879,177)	(153,250,318)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		97,064,884,245	23,832,930,301
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(103,092,492,141)	(22,864,101,127)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6,027,607,896)	968,829,174
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2,964,157,674	(9,271,929,313)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3,439,066,277	17,899,425,036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6,403,223,951	8,627,495,723

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2015.

Người lập biểu

 Phạm Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

 Phạm Đức Thường

Tổng Giám đốc


 Lương Quý Thăng